

V/v báo giá dự toán đơn hàng mua sắm
Vật tư điều khiển

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư

Công ty nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA) hiện đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất cho nhà máy Alumin.

Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng mua sắm vật tư điều khiển, LDA kính mời các nhà cung cấp vật tư tham gia khảo sát và báo giá dự toán vật tư với các yêu cầu cụ thể như sau:

I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. Chứng loại, danh mục, số lượng vật tư: Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.

- Đối với các mục không chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong bảng báo giá giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn Giá; Thành tiền ghi là “0” hoặc ghi là “ Không chào giá”.

2. Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật:

- Hàng hóa, vật tư cung cấp theo từng chủng loại do nhà cung cấp chào phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật như nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Hàng hoá chào giá là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

3.1 Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương được LDA chấp thuận.

+) Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO,CQ.

+) Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối, hoặc bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực của bản sao CO,CQ) trừ trường hợp được quy định cụ thể tại cột 7 – Phụ lục 1;

3.2. Ngoài các mục yêu cầu bắt buộc CO,CQ được ghi tại Cột 7 – phụ lục I thì nhà cung cấp phải cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu có đơn giá ≥ 50 triệu (đã bao gồm thuế, phí); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc văn bản tương đương đối với các phụ tùng, vật tư kỹ thuật mua của các nhà sản xuất trong nước có đơn giá > 10 triệu (đã bao gồm thuế, phí).

***Lưu ý:** Các giấy tờ CO,CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

Phu lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Bộ chuyển đổi bus, 6DL1193-6AG00-0AA0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
2.	Bộ lưu điện UPS, SPRM3K, APC, Schneider, Trung Quốc hoặc tương đương	cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
3.	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, WKN1-WX-SHT, hoặc tương đương	Cái	1	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
4.	CPU SIMATIC PCS 7 CPU410, 6ES7656-6CQ33-1EF0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Bộ	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
5.	Đế giữ 2 module, 6DL1193-6GA00-0NN0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
6.	Đế module 16 chân, 6DL1193-6TP00-0BK0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
7.	Đế module 16 chân, 6DL1193-6TP00-0DK0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
8.	Đế module 32 chân, 6DL1193-6TP00-0BH1, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
9.	Đế module 32 chân, 6DL1193-6TP00-0DH1, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
10.	Đế module I/O, 6DL1193-6GC00-0NN0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
11.	Đế module truyền thông, 6DL1193-6BH00-0RM0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
12.	Module AI, 6DL1134-6AF00-0PH1, AI8, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
13.	Module AQ, 6DL1135-6TF00-0PH1, AQ8, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
14.	Module AQ, 6DL1135-6UD00-0PK0, AQ 4XI HART, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
15.	Module DI, 6DL1131-6BH00-0PH1, DI16 Siemens, Đức	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
16.	Module DI, 6DL1131-6BL00-0PH1, DI32, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
17.	Module DI, 6DL1131-6GF00-0PK0, DI8, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
18.	Module DQ, 6DL1132-6BH00-0PH1, DQ16, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
19.	Module DQ, 6DL1132-6BL00-0PH1, DQ32, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
20.	Module đa chức năng, 6DL1138-6EA00-0EH1, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
21.	Module truyền thông, 6DL1155-6AU00-0PM0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
22.	Nắp bảo vệ khe cắm, 6DL1133-6CV22-0AM0, Siemens, Đức hoặc tương đương	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
23.	Pin nuôi nguồn S7400, 6ES7971-0BA00, Siemens, Đức	Cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
24.	Phần mềm quản lý mạng, SA-960N-S, Sami, Trung Quốc hoặc tương đương	cái	1	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
25.	Phần mềm SIMATIC PCS 7 AS/OS Engineering Asia V10.0, 6ES7658-5AX78-0CA5, Siemens, Đức hoặc tương đương	cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
26.	Phần mềm SIMATIC PCS 7 dự phòng máy chủ SOFTNET REDCONNECT ASIA V10.0 (PO 100), 6ES7652-3BA78-6CA0, Siemens, Đức hoặc tương đương	cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
27.	Phần mềm SIMATIC PCS 7 OS Software Client Asia V10.0, 6ES7658-2CX78-0CB5, Siemens, Đức hoặc tương đương	cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
28.	Phần mềm SIMATIC PCS 7 Runtime License AS (PO 100), 6ES7653-2BA00-0XB5, Siemens, Đức hoặc tương đương	cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
29.	Phần mềm SIMATIC S7, F Systems V6.4, 6ES7833-1CC46-0YA5, Siemens, Đức hoặc tương đương	cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
30.	Phần mềm SIMATIC, gói mở rộng CPU 410 (PO 100), 6ES7653-2CA00-0XE0, Siemens, Đức hoặc tương đương	cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
31.	Tủ Rack 42U 600x1000mm, G26042, Totem, Trung Quốc hoặc tương đương	Cái	1	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
32.	Tủ điều khiển (bao gồm thiết bị đầu cuối, khay cáp, role và giá đỡ cách ly), H2200 x D800 x W600, Sami, Trung Quốc - Bộ nguồn 6EP1334-2BA20, Siemens, Đức: 02 cái - Cầu đấu UK2.5B, Phoenix Contact, Đức: 180 cái - Module 16 rơ le, 220VAC, CZ-DI-16R-220V, Chenzhu, Trung Quốc: 02 bộ - Rơ le 220VAC, RJ1S-C-A220, IDEC, Nhật Bản: 32 cái - Module 16 rơ le, 24VDC, CZ-DO-16R, Chenzhu, Trung Quốc: 02 bộ - Rơ le 24VDC, RJ1S-C-D24, IDEC, Nhật Bản: 32 cái - Bộ cách ly tín hiệu 4-20mA, CZ2047, Chenzhu, Trung Quốc: 40 cái - Máng cáp 80 x 80mm: 8 mét	Tủ	1	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
33.	Thanh ray, 6DL1193-6MC00-0AA0, Siemens, Đức	cái	2	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT
34.	Thanh ray, 6DL1193-6MD00-0AA0, Siemens, Đức	cái	3	≥ 60 ngày	≥ 12 tháng	CO, CQ	PX. KHT

Ghi chú:

- Nhà cung cấp khảo sát tại trực tiếp tại phân xưởng của LDA, các vật tư/ phụ tùng cung cấp lắp đặt phải tương thích với thiết bị/dây chuyền hiện tại của LDA.

Phụ lục 2: Biểu mẫu báo giá dự toán

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢNG BÁO GIÁ DỰ TOÁN

Kính gửi: Công ty nhôm Lâm Đồng – TKV

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá dự toán số ____ [Ghi số, ngày của thư mời báo giá]. Chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp] trân trọng gửi bảng báo giá dự toán cụ thể như sau:

STT	Chủng loại hàng hóa/vật tư theo yêu cầu của LDA	Chủng loại hàng hóa/thông số nhà cung cấp đề xuất	Nhà sản xuất/Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian BH)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
Tổng cộng giá chào trước thuế:											
Thuế GTGT:											
Tổng cộng giá chào sau thuế:											
(Bằng chữ:)											

Hiệu lực báo giá:..... ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- **Cột số (2):** Nhà cung cấp điền đúng chủng loại, thông số yêu cầu như cột (2) của phụ lục I.
- **Cột số (3):** Chỉ điền khi chào chủng loại hàng hoá, vật tư, thông số khác so với nhu cầu của LDA (trường hợp đúng yêu cầu của LDA thì bỏ trống).
- **Cột số (4):** Ghi rõ nhà sản xuất/ hãng sản xuất; xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột (5).
- **Cột số (8) và (9):** điền đvt và số lượng theo yêu cầu của LDA, trường hợp hiệu chỉnh lại đơn vị tính và số lượng theo thực tế thị trường thì nhà cung cấp ghi rõ vào phần ghi chú (cột 12).
- **Cột số (10)** ghi đơn giá, là đơn giá tổng hợp, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá C&IF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa cho đến khi hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại kho của LDA.
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy cam kết chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời chào giá khi giao hàng, thì nhà cung cấp phải ghi vào Cột 7.
- Đối với trường hợp NCC chào chủng loại hàng hoá, quy cách, đặc tính kỹ thuật bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch song ngữ bằng tiếng Việt trong bảng báo giá.